

Bản án số: **144/2020/HNGĐ-ST**  
Ngày 25 tháng 5 năm 2020  
V/v: *Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN M - THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa pE tòa: Ông Đoàn Thành Nam

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Thoại
2. Bà Nguyễn Thị Hồng Ninh

**Thư ký pE tòa:** Ông Nguyễn Văn Hạnh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện M.

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện M, tham gia pE tòa:** Bà Vũ Thị Nhiên – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện M, Thành phố Hà Nội, xét xử sơ thẩm, công khai vụ án thụ lý số: 60/2020/TLST-HNGĐ ngày 05/02/2020, về việc: “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 16/03/2020; Quyết định hoãn phiên tòa số: 16/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 16/4/2020, Quyết định hoãn phiên tòa số: 21/2020/QĐST-HNGĐ, ngày 06/5/2020, giữa các đương sự:

*Nguyên đơn:* Anh **Trần Văn M**, sinh năm 1988.

ĐKHKTT và nơi ở: Khu phố M Vĩ, phường W, thị xã C, tỉnh Bắc Ninh.  
(Có mặt tại pE tòa)

*Bị đơn:* Chị **Nguyễn Thị E**, sinh năm 1995.

ĐKHKTT: Khu phố M Vĩ, phường W, thị xã C, tỉnh Bắc Ninh.  
Nơi ở: Thôn K, xã E, huyện M, thành phố Hà Nội.

(Có mặt tại pE tòa)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong Đơn khởi kiện vụ án xin ly hôn đề ngày 05/12/2019, bản tự khai và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án tại Tòa án nhân dân huyện M cũng như tại pE tòa sơ thẩm, nguyên đơn anh Trần Văn M trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn M và chị Nguyễn Thị E kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và tổ chức lễ cưới khi được sự đồng ý của hai bên gia đình. Anh M và chị E làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND phường W, thị

xã C, tỉnh Bắc Ninh ngày 28/7/2017. Sau khi kết hôn, anh chị về sống chung tại nhà bố mẹ đẻ anh M ở Khu phố M Vĩ, phường W, thị xã C, tỉnh Bắc Ninh.

Quá trình vợ chồng chung sống không có hạnh phúc, anh chị phát sinh những mâu thuẫn. Nguyên nhân chính của mâu thuẫn vợ chồng là do anh chị bất đồng quan điểm với nhau về nhiều vấn đề của cuộc sống, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung, trong tất cả mọi vấn đề anh chị đều không thể thống nhất được với nhau, mỗi người một ý không ai chịu nhường ai. Trong cuộc sống hàng ngày từ những mâu thuẫn nhỏ nhất cũng xảy ra cãi nhau. Cả hai không còn sự quan tâm tình cảm, mỗi người một kiểu, ai sống như thế nào thì mặc. Đến tháng 01 năm 2019 mâu thuẫn của vợ chồng anh chị thực sự trầm trọng, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, không có một lúc nào yên ấm, hai vợ chồng sống ly thân, cắt đứt quan hệ vợ chồng từ tháng 01 năm 2019 cho đến nay. Từ khi anh chị ly thân, cả 02 vợ chồng vẫn không thể nói chuyện được với nhau. Khi mâu thuẫn vợ, chồng sảy ra anh, chị đã được hai bên gia đình khuyên giải và bản thân anh chị đã cố gắng cải thiện cuộc sống vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay, anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, anh, chị không thể hàn gắn, đoàn tụ gia đình được nữa. Anh M đề nghị Tòa án nhân dân huyện M xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị E để anh sớm ổn định cuộc sống.

Về con chung: Anh M xác nhận anh và chị E có 01 con chung là cháu Trần D, sinh ngày 10/02/2018. Cháu D hiện nay có sức khỏe tốt và phát triển bình thường. Khi anh M và chị E sống ly thân và quá trình giải quyết ly hôn thì cháu D đang ở cùng nhà với chị E cùng bố mẹ đẻ chị ở Thôn K, xã E, huyện M, Hà Nội. Trong quá trình giải quyết vụ án thì anh M trình bày có nguyện vọng khi ly hôn anh đồng ý để chị E là mẹ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D. Nếu chị E được Tòa án giải quyết cho nuôi cháu D thì anh sẽ đóng góp tiền cấp dưỡng 2.000.000 đồng/01 tháng để nuôi con chung là cháu D cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Về tài sản chung: Anh M không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Anh M không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Ngoài ra anh M không còn yêu cầu nào khác, không trình bày nội dung nào khác.

Bị đơn – chị Nguyễn Thị E: Trong quá trình giải quyết vụ án không có lời khai tại Tòa, chị E không hợp tác, không nhận bất cứ văn bản tố tụng nào của Tòa án và chưa bao giờ đến Tòa để trình bày quan điểm của mình, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại các buổi làm việc và không có ý kiến trả lời về việc anh Trần Văn M xin ly hôn. Tuy nhiên, ngày 06/5/2020 chị đã có mặt tại Tòa án làm đơn xin hoãn pE tòa và có bản tự khai với nội dung, chị xác nhận việc đăng ký kết hôn, thời gian phát sinh mâu thuẫn như anh M trình bày là đúng. Quá trình chung sống anh chị có mâu thuẫn, vợ chồng cãi nhau, do anh M thường xuyên chơi điện tử, có lần anh M tát chị. Cuối năm 2018 thì chị về nhà bố mẹ đẻ sinh sống và vợ chồng chị sống ly thân từ đó đến nay mặc dù chị không còn tình cảm với anh M nhưng chị không đồng ý ly hôn với anh M vì mong muốn vợ chồng đoàn tụ gia đình để cùng nuôi con vì con chị còn rất nhỏ. Quá trình Tòa án giải quyết vụ án thì chị bận đi

làm nên không có thời gian đến Tòa án để hòa giải và biện pháp khắc phục mâu thuẫn vợ chồng, hiện tại vợ chồng chị vẫn sống ly thân, nếu anh M vẫn kiên quyết xin ly hôn thì chị đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị E xác nhận chị và anh M có 01 con chung là cháu Trần D, sinh ngày 10/02/2018. Cháu D hiện nay có sức khỏe tốt và phát triển bình thường. Khi anh M và chị E sống ly thân và quá trình giải quyết ly hôn thì cháu D đang ở cùng nhà với chị và bố mẹ đẻ chị ở Thôn K, xã E, huyện M, Hà Nội. Tại pE tòa chị E trình bày có nguyện vọng nếu Tòa án giải quyết cho anh M ly hôn với chị thì chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D. Nếu chị được Tòa án giải quyết cho nuôi cháu D thì chị yêu cầu anh M đóng góp tiền cấp dưỡng 3.000.000 đồng/01 tháng để nuôi con chung là cháu D cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Về tài sản chung: Chị E không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về công nợ chung vợ chồng: Chị E không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Tại pE tòa ngày hôm nay:

Anh Trần Văn M vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với chị Nguyễn Thị E và nội dung các lời khai mà anh đã trình bày tại Tòa án.

Chị Nguyễn Thị E vẫn giữ nguyên yêu cầu không đồng ý ly hôn vì mong muốn vợ chồng đoàn tụ gia đình để cùng nuôi con vì con chị còn rất nhỏ và nội dung các lời khai mà chị đã trình bày tại Tòa án.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện M phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng dân sự và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử đều thực hiện đúng các quy định của pháp luật về thủ tục Tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án. Người tham gia tố tụng tại pE tòa, nguyên đơn đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị đơn không chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về Tố tụng dân sự thể hiện qua việc vắng mặt tại pE tòa và quá trình tố tụng giải quyết vụ án không có lý do.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xử cho anh Trần Văn M được ly hôn với chị Nguyễn Thị E.

Về con chung: Xử giao cho chị Nguyễn Thị E được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Trần D, sinh ngày 10/02/2018. Anh Trần Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Nguyễn Thị E với mức đóng góp là 3.000.000 đồng/01 tháng. Thời gian đóng góp tiền nuôi con kể từ tháng 5 năm 2020 cho đến khi cháu Trần D trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung và nợ chung: Không xem xét, giải quyết.

Tuyên về án phí và quyền kháng cáo cho các đương sự.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi ngE cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại pE toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp về ly hôn nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28 – BLTTDS, vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân. Trong vụ án, bị đơn là chị Nguyễn Thị E có Đăng ký hộ khẩu thường trú và hiện nay đang cư trú tại huyện M, Thành phố Hà Nội nên căn cứ vào Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền của tòa án nhân dân huyện M, Thành phố Hà Nội.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Văn M và chị Nguyễn Thị E kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu và tổ chức lễ cưới khi được sự đồng ý của hai bên gia đình. Anh M và chị E làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân UBND phường W, thị xã C, tỉnh Bắc Ninh ngày 28/7/2017. Đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Vợ, chồng anh M, chị E chung sống hoà thuận được thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn vợ chồng.

[3]. Về nguyên nhân mâu thuẫn vợ, chồng: Căn cứ vào những lời khai của anh M, chị E, biên bản lấy lời khai bà Lê Thị Định mẹ đẻ chị E và biên bản làm việc của Tòa án với chính quyền địa phương. Hội đồng xét xử nhận định: Anh Trần Văn M và chị Nguyễn Thị E trong quá trình chung sống đã phát sinh nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân chính của mâu thuẫn vợ chồng là do anh chị bất đồng quan điểm với nhau về nhiều vấn đề của cuộc sống, giữa hai vợ chồng không có tiếng nói chung, trong tất cả mọi vấn đề anh chị đều không thể thống nhất được với nhau, mỗi người một ý không ai chịu nhường ai. Trong cuộc sống hàng ngày từ những mâu thuẫn nhỏ nhặt cũng xảy ra cãi nhau. Cả hai không còn sự quan tâm tình cảm, mỗi người một kiểu, ai sống như thế nào thì mặc. Đến cuối năm 2018 mâu thuẫn của vợ chồng anh chị thực sự trầm trọng, hai vợ chồng thường xuyên cãi nhau, cuộc sống gia đình luôn căng thẳng, không có một lúc nào yên ả, hai vợ chồng sống ly thân, cắt đứt quan hệ vợ chồng từ cuối năm 2018 cho đến nay. Từ khi anh chị ly thân, cả 02 vợ chồng vẫn không thể nói chuyện được với nhau. Khi mâu thuẫn vợ, chồng xảy ra anh chị đã được hai bên gia đình khuyên giải và bản thân anh chị đã cố gắng cải thiện cuộc sống vợ chồng nhưng không có kết quả. Nay, anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, cuộc sống chung không còn hạnh phúc, chúng tôi không thể hàn gắn, đoàn tụ gia đình được nữa. Anh M đề nghị Tòa án nhân dân huyện M xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị E để anh sớm ổn định cuộc sống. Chị E không đồng ý ly hôn vì mong muốn vợ chồng đoàn tụ gia đình để cùng nuôi con vì con chị còn rất nhỏ.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập chị E đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng chị E đều vắng mặt vì chị E không có nhà. Tòa án đã kết hợp với chính quyền địa phương nhiều lần đến tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng chị E đều không đến Tòa án để tham gia giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Như vậy, sau khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn trầm trọng, anh M và chị E đã sống ly thân. Chị E không quan tâm đến anh M và người thân trong gia đình, qua đó thể hiện chị E không có ý thức hàn gắn tình cảm khi vợ chồng xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng đã không chung sống với nhau được một thời gian dài.

Như vậy, anh M trình bày là vợ chồng anh chị đã mâu thuẫn trầm trọng và anh chị đã ly thân từ tháng 01 năm 2019 là có căn cứ.

Theo quy định tại Điều 19 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014, quy định: “*Vợ chồng phải, thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình và xã hội*”. Như vậy, mục đích hôn nhân của vợ chồng của anh M và chị E không đạt được, đời sống chung vợ chồng đã chấm dứt. Do vậy, xét thấy cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh M là phù hợp với khoản 1 Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4]. Về con chung: Anh M và chị E xác định anh chị có 01 con chung là cháu Trần D, sinh ngày 10/02/2018. Cháu D hiện nay có sức khỏe tốt và phát triển bình thường. Khi anh M và chị E ly thân và quá trình giải quyết ly hôn tại tòa án thì cháu D đang ở cùng nhà với chị E cùng bố mẹ đẻ chị. Trong quá trình giải quyết vụ án thì anh M trình bày có nguyện vọng khi ly hôn anh đồng ý để chị E là mẹ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D. Nếu chị E được Tòa án giải quyết cho nuôi cháu D thì anh sẽ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/01 tháng để nuôi con chung là cháu D cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật. Nếu chị E được nuôi con chung và yêu cầu anh đóng góp tiền cấp dưỡng 3.000.000 đồng/01 tháng để nuôi con chung là cháu D thì anh cũng nhất trí và không có ý kiến gì khác

[5]. Xét về điều kiện nuôi dưỡng: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời trình bày của chị E thể hiện chị E hiện nay đang cư trú thường xuyên tại ngôi nhà 02 tầng xây kiên cố ở Xóm Quắc, Thôn K, xã E, huyện M, thành phố Hà Nội cùng với bố mẹ đẻ chị là ông Bé, bà Định. Quá trình giải quyết vụ án chị E đều vắng mặt tại các buổi làm việc của tòa án, tại pE tòa chị có mặt và trình bày ý kiến, nguyện vọng nếu Tòa án giải quyết cho anh M ly hôn với chị thì chị có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D. Nếu chị được Tòa án giải quyết cho nuôi cháu D thì chị yêu cầu anh M đóng góp tiền cấp dưỡng 3.000.000 đồng/01 tháng để nuôi con chung là cháu D cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật.

Tất cả trẻ em đều mong muốn sống trong gia đình có đầy đủ cả bố mẹ, khi có sự chăm sóc của bố mẹ thường xuyên, đầy đủ sẽ làm cho các cháu có tâm lý ổn định. Để tránh xáo trộn cuộc sống của con chung của anh M và chị E vì cháu đang còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi và cũng như để đảm bảo quyền lợi của cháu nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao con chung là cháu Trần D, sinh ngày 10/02/2018 cho chị E tiếp tục được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là hợp tình, hợp lý, đúng với quy định của pháp luật. Trong quá trình giải quyết vụ án thì anh M trình bày có nguyện vọng khi ly hôn anh đồng ý để chị E là mẹ được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu D. Nếu chị E được Tòa án giải quyết cho nuôi cháu D thì anh sẽ đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con là 2.000.000 đồng/01 tháng để nuôi con chung là cháu D cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác của pháp luật. Tại pE tòa chị E có nguyện vọng được nuôi con và yêu cầu anh đóng góp tiền cấp dưỡng 3.000.000 đồng/01 tháng để nuôi con chung là cháu D thì anh cũng nhất trí và không có ý kiến gì khác. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận nghĩa vụ cấp dưỡng tiền nuôi con chung của anh M đối với chị E với mức đóng góp là 3.000.000 đồng/01 tháng. Thời gian đóng

góp tiền nuôi con kể từ tháng 5 năm 2020 cho đến khi cháu Trần D trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

[6]. Về tài sản chung và công nợ chung vợ chồng: Anh M, chị E không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[7]. Về án phí: Anh M phải chịu án phí ly hôn theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Xử:

1. *Về quan hệ hôn nhân*: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Trần Văn M đối với chị Nguyễn Thị E. Anh Trần Văn M được ly hôn với chị Nguyễn Thị E.

2. *Về con chung*: Giao cho chị Nguyễn Thị E được tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng con chung là cháu Trần D, sinh ngày 10/02/2018. Anh Trần Văn M có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với chị Nguyễn Thị E với mức đóng góp là 3.000.000 đồng/01 tháng (Ba triệu đồng). Thời gian đóng góp tiền nuôi con kể từ tháng 5 năm 2020 cho đến khi cháu Trần D trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

*Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.*

3. *Về tài sản chung và nợ chung*: Không xem xét, giải quyết.

4. *Về án phí*: Anh Trần Văn M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Anh M đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2010/0005066, ngày 04/12/2019 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện M nay được chuyển thành án phí. Anh Trần Văn M không phải nộp thêm tiền án phí.

5. *Về quyền kháng cáo*: Ân xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn – anh Trần Văn M, bị đơn – chị Nguyễn Thị E. Báo cho anh M, chị E có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội
- VKSND huyện M

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ Phiên Tòa



**Nơi nhận:**

- Dương sự;
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội
- VKSND huyện M
- T.H.A DS huyện M
- UBND xã Đặng Xá, huyện M;
- (Giấy CNKH số 34; Quyển số 01/2014)
- Lưu hồ sơ vụ án; Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PE TOÀ

Đoàn Thành Nam



Bản án gốc này gồm có 04 tờ, 07 trang. Tại phòng nghị án của Toà án nhân dân huyện M – Thành phố Hà Nội, các thành viên của Hội đồng xét xử đều đã từng người, tự mình đọc lại toàn bộ bản án này, công nhận là đúng và đầy đủ, ký tên dưới đây.

TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do – Hạnh phúc

M, ngày 01 tháng 4 năm 2020

### **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 10 giờ 00 phút, ngày 01 tháng 4 năm 2020.

Tại: Phòng nghị án - Tòa án nhân dân huyện M, Thành phố Hà Nội

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pE toà: Ông Đoàn Thành Nam

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Chấn và Bà Nguyễn Thị Nga  
Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số: 585/2019/TLST-HNGĐ ngày 18/12/2019, về việc “Tranh chấp về hôn nhân và gia đình”, giữa:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị Thu Hương, sinh năm 1993

Bị đơn: Anh Nguyễn Sỹ Hùng, sinh năm 1984

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại pE toà, kết quả tranh tụng tại pE toà, các quy định của pháp luật.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

1. Về thẩm quyền: Vụ án thuộc thẩm quyền của Toà án nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội.

Kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ:  $3/3 = 100\%$ .

**2. Về quan hệ pháp luật:** Tranh chấp về hôn nhân và gia đình.

Kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ:  $3/3 = 100\%$

**3. Về điều luật áp dụng:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ:  $3/3 = 100\%$

**3. Về các vấn đề cụ thể:**

**Xử:**

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lê Thị Thu Hương đối với anh Nguyễn Sỹ Hùng. Chị Lê Thị Thu Hương được ly hôn với anh Nguyễn Sỹ Hùng.

- **Về con chung:** Giao cho chị Lê Thị Thu Hương được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cháu Nguyễn Minh Thành, sinh ngày 09/8/2014. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Nguyễn Sỹ Hùng cho đến khi cháu Nguyễn Minh Thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

*Anh Nguyễn Sỹ Hùng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.*

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Lê Thị Thu Hương phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Hương đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2010/0004959, ngày 07/12/2019 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện M nay được chuyển thành án phí. Chị Lê Thị Thu Hương không phải nộp thêm tiền án phí

Kết quả biểu quyết từng vấn đề đều đạt tỷ lệ:  $3/3 = 100\%$

-**Về quyền kháng cáo:** Ân xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn - chị Lê Thị Thu Hương, vắng mặt bị đơn – anh Nguyễn Sỹ Hùng. Báo cho chị Hương có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Hùng vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ:  $3/3 = 100\%$

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 15 phút, ngày 01 tháng 4 năm 2020  
Biên bản nghị án này gồm có 01 tờ 02 trang. Tại phòng nghị án của Toà án nhân dân huyện M – Thành phố Hà nội, các thành viên của Hội đồng xét xử đều đã từng người, tự mình đọc lại toàn bộ biên bản nghị án này, công nhận là đúng và đầy đủ, ký xác nhận.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ - THẨM PHÁN CHỦ TỌA PE TÒA**

# HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PE TÒA

***Nơi nhận:***

- Đương sự;
- Tòa án nhân dân TP. Hà Nội
- VKSND huyện M
- T.H.A DS huyện M
- UBND xã Kiều Ky, huyện M;  
(Giấy CNKH số 02; Quyền số 01/2012)
- Lưu hồ sơ vụ án; Vp.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PE TÒA**

**Đoàn Thành Nam**

Bản án này gồm có 07 trang. Tại phòng nghị án của Toà án nhân dân huyện M – Thành phố Hà Nội, các thành viên của Hội đồng xét xử đều đã từng người, tự mình đọc lại toàn bộ bản án này, công nhận là đúng và đầy đủ, ký tên dưới đây.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN M  
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập- Tự do – Hạnh phúc**

M, ngày 12 tháng 4 năm 2019

## **BIÊN BẢN NGHỊ ÁN**

Vào hồi 10 giờ 30 phút, ngày 12 tháng 4 năm 2019

Tại: Phòng nghị án - Tòa án nhân dân huyện M – Thành phố Hà nội.

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa pE tòa: Ông Đoàn Thành Nam

Các hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Huy Cự và Bà Nguyễn Thị Nga

Tiến hành nghị án đối với vụ án dân sự thụ lý số: 415/2019/TLST-HNGĐ ngày 08/10/2019, về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị Giang, sinh năm 1990

Bị đơn: Anh Lê Văn Lượng, sinh năm 1989

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại pE tòa, kết quả tranh tụng tại pE tòa, các quy định của pháp luật.

### **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT, QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

2. **Về thẩm quyền:** Vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện M.

Kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ:  $3/3 = 100\%$ .

3. **Về quan hệ pháp luật:** Tranh chấp hôn nhân và gia đình.

Kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ:  $3/3 = 100\%$

3. **Về điều luật áp dụng:**

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30.12.2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ  $3/3 = 100\%$

4. **Về các vấn đề cụ thể:**

Xử: - **Về quan hệ hôn nhân:** Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Đinh Thị Giang đối với anh Lê Văn Lượng. Chị Đinh Thị Giang được ly hôn với anh Lê Văn Lượng.

- **Về con chung:** Giao cho chị Đinh Thị Giang được trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cả 02 con chung là cháu Lê Anh Thư, sinh ngày 13/8/2012 và cháu Lê Phương Nhi, sinh ngày 21/01/2015. Tam hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung đối với anh Lê Văn Lượng cho đến khi cháu Lê Anh Thư và cháu Lê Phương Nhi trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc đến khi có yêu cầu mới.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- **Về tài sản chung và nợ chung:** Không xem xét, giải quyết.

- **Về án phí:** Chị Đinh Thị Giang phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Chị Giang đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2010/0003963, ngày 08/10/2018 tại Chi Cục thi hành án dân sự huyện M nay được chuyển thành án phí. Chị Đinh Thị Giang không phải nộp thêm tiền án phí

*Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

Kết quả biểu quyết từng vấn đề đều đạt tỷ lệ:  $3/3 = 100\%$

**5. Về quyền kháng cáo:** Án xử công khai sơ thẩm, có mặt nguyên đơn - chị Đinh Thị Giang, vắng mặt bị đơn – anh Lê Văn Lượng. Báo cho chị Giang có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, anh Lượng vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kết quả biểu quyết đạt tỷ lệ:  $3/3 = 100\%$

Nghị án kết thúc vào hồi 10 giờ 55 phút, ngày 12 tháng 4 năm 2019

Biên bản nghị án này gồm có 01 tờ 02 trang. Tại phòng nghị án của Tòa án nhân dân Huyện M – Thành phố Hà nội, các thành viên của Hội đồng xét xử đều đã từng người, tự mình đọc lại toàn bộ biên bản nghị án này, công nhận là đúng và đầy đủ, ký tên dưới đây.

## HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PE TÒA

